

DIỄN ĐÀN VÀ KHUYẾN NGHỊ

PHẢI CHĂNG THỜI NGUYỄN TRÃI CHƯA CÓ TỪ NÊU GIẢ THUYẾT “NẾU”?

NGUYỄN MINH SƠN
(Đại học Thái Nguyên)

1. Thơ phú viết bằng tiếng Việt có từ thời Trần, sử sách từng ghi lại nhiều tác giả dùng quốc âm để sáng tác như Nguyễn Thuyên, Nguyễn Sĩ Cổ, Chu An, Hồ Quý Ly... Nhưng hầu hết những tác phẩm viết bằng tiếng Việt đời Trần – Hồ trong thời Minh thuộc đó bị mang về Trung Quốc. Hiện nay chỉ còn bốn bài văn: *Cư Trần lạc đạo phú*, *Đắc thú lâm tuyền thành đạo ca* của Trần Nhân Tông, *Vịnh Hoa Yên tự phú* của Huyền Quang, *Bài giải âm Khóa hư lục* của Tuệ Tĩnh.

Nguyễn Trãi sinh năm 1380, lớn lên vào cuối đời Trần. Tiếp tục con đường của các thế hệ đi trước, từ thời trẻ ông đã dùng quốc âm để sáng tác thơ. Nguyễn Trãi làm thơ tiếng Việt nhiều nhất là sau khi chiến thắng giặc Minh (1428), đất nước vào thời kì xây dựng hòa bình. Đây là lúc cần đề cao vai trò của tiếng Việt. Bằng những sáng tác của mình, Nguyễn Trãi đã tự nhiệm gánh vác công việc ấy.

Căn cứ vào sưu tầm của Dương Bá Cung ở nửa đầu thế kỉ thứ XIX, *Quốc âm thi tập* của Nguyễn Trãi gồm 254 bài. Đây là tập thơ Nôm xưa nhất còn lại, dài nhất, có nhiều bài hay bậc nhất. Ngôn ngữ *Quốc âm thi tập* có hai tính chất: văn vẻ điển nhã và nôm na bình dị “*mang tính chất bình dân khẩu ngữ*” (*Chỉ nam ngọc âm giải nghĩa*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội 1985, tr50). Từ *nếu* được dùng trong tập thơ thể hiện đặc điểm thứ hai của ngôn ngữ tập thơ này.

Từ *nếu* là từ thuần Việt được ghi bằng chữ Hán 𠵽 *niếu*. Đó là liên từ dùng để nêu giả thiết. Cũng chữ Hán 𠵽 *niếu* này còn được dùng để ghi từ *nẻo* chỉ thời gian hoặc không gian, có khi cả thời gian và không gian. Đó là thực từ.

Tìm hiểu việc Nguyễn Trãi dùng *nếu* chúng tôi căn cứ vào bảy bản phiên âm *Quốc âm thi tập* từ năm 1956 đến năm 2001. Một số từ điển, tự điển và một số tác phẩm thơ văn từ thế kỉ XIV đến đầu thế kỉ XIX.

2. Trong bản Nôm *Quốc âm thi tập* (QATT) công bố năm 1868, chữ 𠵽 (âm Hán Việt: *niếu*) được dùng 23 lần ở 22 bài. Từ năm 1956 đến đầu năm 2000 lần lượt xuất hiện 6 bản phiên khảo: bản Trần Văn Giáp – Phạm Trọng Điềm (1956); bản Đào Duy Anh (1969 và 1976); bản Paul Schneider (1987); bản Bùi Văn Nguyên (1994); bản Vũ Văn Kính (1995); bản Nguyễn Thạch Giang (5/2000). Trong đó tùy theo cách hiểu chữ *niếu* ở từng câu, từng bài mà các bản khi thì phiên *nếu*, chẳng hạn:

Nếu cốt chưa xong chằm chữa toan
(Câu 8 bài 63)

Nếu có sâu thì bỏ canh
(Câu 6 bài 136)

khi lại phiên *nẻo*, chẳng hạn:
Ẽn từ *nẻo* lạc nhà Vương Tạ
(Câu 5 bài 34)

Nẻo xưa nay cũng một đường
(Câu 1 bài 93)

Tuy vậy, cũng có mấy bài các bản lại phiên khác nhau. Như chữ *niều* ở câu 3 bài 133, trong khi bản Trần Văn Giáp phiên là *nẻo*:

Nẻo khỏi tiểu nhân quân tử nhọc

thì bản Đào Duy Anh và bản Paul Schneider phiên là *nếu*:

Nếu khỏi tiểu nhân quân tử nhọc

Điều khiến người ta phải băn khoăn là trong bản phiên khảo lần thứ 7 của nhóm các nhà nghiên cứu Mai Quốc Liên, Kiều Thu Hoạch, Vương Lộc, Nguyễn Khuê (*Nguyễn Trãi toàn tập, Tân biên Tập III*, NXB Văn học, 2001, gọi tắt là bản Tân biên tập III) tất cả 23 chữ *niều* đều được phiên là *nẻo*. Trong *Lời dẫn*, hai soạn giả Mai Quốc Liên, Kiều Thu Hoạch viết: “*Thời Nguyễn Trãi, theo chúng tôi chưa có từ giả định nếu. (từ này có thể có khi tiếng Việt tiếp xúc với cách nói của tiếng Pháp sau này); mà chỉ dùng ví dầu, ví bằng, nhược bằng v.v... Do đó chữ niều phải đọc là nẻo hoặc chỉ thời gian, hoặc chỉ không gian, có khi cả không gian - thời gian: nơi, lúc, chỗ (nẻo xa = nơi xa; nẻo có công danh = chỗ có công danh...)*”. Chẳng hạn, chữ *niều* ở câu 6 bài 136, bản Trần Văn Giáp - Phạm Trọng Điềm và Bản Đào Duy Anh đều phiên *nếu*: *Nếu* có sâu thì bỏ canh.

Bản Tân biên tập III cho rằng: cách nói đó “*mới quá!*”, chữ đó phải phiên là *nẻo*: “*Nẻo có sâu...và hiểu nẻo = nơi, chỗ (chỉ không gian) thì hợp logic tiếng Việt cổ hơn*” (trang 598).

Nói cách khác, theo bản Tân biên tiếng Việt ở nửa đầu thế kỉ XV chưa thể có từ giả định *nếu*. Nhận định như vậy, có đúng với thực tế hay không?

Quả thực, trong một số tác phẩm thơ phú Nôm như *Chinh phụ ngâm*, *Cung oán ngâm*, *Truyện Kiều* thì từ *nếu* không được dùng mà dùng các từ *ví bằng*, *ví dầu*, *nhược bằng*...

Nhưng thực tế trong văn học viết từ thế kỉ XIV đến đầu thế kỉ XIX từ *nếu* vẫn được dùng. Trong *Từ điển Việt - Bồ - La* của Alexandre De Rhodes (1651) mục từ *nẻo* và mục từ *nếu* được ghi bằng chữ quốc ngữ.

Nẻo: Đường đi. *Đi nẻo nào*: Đi đường nào?

Nếu: Nếu. *Nếu có sự làm vậy*: Nếu việc như vậy.

Trong cuốn *Từ điển Việt - La tinh* của Béhaine De Pigneau (soạn năm 1772- 1773) *nẻo* và *nếu* được ghi bằng cả chữ Nôm và chữ quốc ngữ.

𠵿 Nẻo

- *nẻo dàng*
- *nhiều nẻo*
- *nẻo khác*.

(Trang 398)

𠵿 Nếu

- *nếu mà*
- *nếu vậy*
- *nếu có*
- *nếu không*

(Trang 399)

Từ điển Việt - La tinh (xuất bản năm 1838) của Taberd cũng ghi như vậy.

𠵿 Nẻo

- *nẻo dàng*
- *nhiều nẻo*
- *nẻo khác*.

(Trang 331)

𠵿 Nếu

- *nếu mà*
- *nếu vậy*
- *nếu có*
- *nếu không*
- *nếu chẳng*

(Trang 332)

Đáng chú ý là chữ *nẻo* ở hai cuốn từ điển này cũng giống như ở *Từ điển Việt - Bồ - La* của Alexandre De Rhodes đều có nghĩa chỉ không gian.

Như vậy, qua ba cuốn từ điển biên soạn trong khoảng thời gian từ giữa thế kỉ XVII

đến những năm 30 thế kỉ XIX, khi tiếng Việt chưa “*tiếp xúc với tiếng Pháp*” thì từ *nẻo* cũng như từ *nếu* đã được ghi lại.

Trong *Tự điển chữ Nôm* do Nguyễn Quang Hồng chủ biên, Nxb Giáo dục, 2006 cũng có mục từ *nếu*.

𠂔 Nếu (cũng đọc nẻo) (*bộ khẩu + liễu*).

Với nghĩa *Hễ mà, ví như, ví bằng* ~ thì gan với anh hùng thì thua (Truyện Phan Trần, 73b)

𠂔 Nếu (*bộ khẩu + niếu*)

Nghĩa như trên ~ tìm thấy được thì công to (Truyện Thạch Sanh, 15b).

Một điểm đáng chú ý là trong *Cư Trần lạc đạo phú* của Trần Nhân Tông viết vào đầu thế kỉ XIV, từ *niếu* đã được dùng và học giả Đào Duy Anh phiên *nếu*: *Nếu mà cóc tội ắt đã không* (*Chữ Nôm, nguồn gốc cấu tạo - diễn biến*, NXB Khoa học xã hội 1975, tr 168)

Và học giả Hoàng Xuân Hãn cũng phiên là *nếu*:

Nếu mà cóc

Tội ắt đã không

chú thích: “*Nếu hiểu rõ thì mình không tội*”. (*La Sơn Yên Hồ Hoàng Xuân Hãn*, tập III, NXB Giáo dục, 1998, tr 1114).

Trong *Chỉ nam ngọc âm giải nghĩa* (thế kỉ XVI - thế kỉ XVII), chữ *niếu* cũng xuất hiện nhiều lần. Nhà nghiên cứu Trần Xuân Ngọc Lan trong công trình phiên khảo của mình (*Chỉ nam ngọc âm giải nghĩa*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội 1985) đều phiên là *nếu*:

Nếu ra non nước tức thì động dây

(và chú thích *nếu* : khi, lúc)(tr118)

Nếu mà bắt được trâm mình cho ghê

(và chú thích *nếu*: hễ, một khi) (tr194)

Nếu có mặt trời quỳ hoặc hướng dương

(và chú thích *nếu*: khi, lúc)(tr 225)

Đến thế kỉ XVI, từ *nếu* cũng xuất hiện trong *Bạch vân quốc ngữ thi* - Nguyễn Bình Khiêm:

Nếu học thì hay kéo mịt mùng

(Bài 111, câu 8)

Nếu nhà đột nóc, thể thon von

(Bài 113, câu 8)

Ở thế kỉ XVII, từ *nếu* cũng được dùng trong *Thiên Nam ngữ lục*.

Nếu binh quải hiểu thì lòng chẳng vui

(Câu 1756)

Quái hiểu: để tang (Thi Sách). Ý nói trước khi đi đánh Tô Định, bà Trưng không để tang chồng vì sợ tướng sĩ không vui.

Nếu mà cây cả bấy lâu

(Câu 1973)

Trong thơ Tú Xương ở cuối thế kỉ XIX, đầu thế kỉ XX cũng có từ *nếu*:

Nếu có khôn ngoan đã vợ nhờ

(*Gửi cho cô Đào*)

Tóm lại, *nẻo* và *nếu* đều có trong QATT. Và từ *nẻo* không phải là từ cổ như bản Tân biên đã quan niệm. Khác với ba cuốn từ điển (*Từ điển Việt - Bồ - La* của Alexandre De Rhodes (1651); *Từ điển Việt - La tinh* của Béhaine De Pigneau (1772- 1773) và *Từ điển Việt - La tinh* (1838) của Taberd), từ *nẻo* mang nghĩa chỉ không gian thì trong QATT từ *nẻo* lại mang nghĩa chỉ cả không gian và thời gian.

Có lẽ người làm *Bảng giải thích từ ngữ cổ* của bản Tân biên cũng thấy như vậy. Trong bảng này chỉ nêu 8 từ *nẻo*, trong đó có 7 trường hợp chỉ thời gian (bài 34, 68, 86, 93, 107, 113, 118) (trang 1225), 1 trường hợp chỉ không gian (bài 253)(trang 1225). Vậy 15 chữ *niếu* còn lại theo người làm *Bảng giải thích từ ngữ cổ* phiên là *nẻo* thì chắc là không thỏa đáng (bản phiên âm của bản Tân biên nêu 23 từ *nẻo*). Nói cách khác, những chữ *niếu* còn lại mặc nhiên được coi là *nếu*. Như thế có thể thấy giữa người làm *Bảng giải thích từ cổ* và những người làm phiên âm chưa có sự nhất trí.

3. Trong thơ Nôm Nguyễn Trãi, các cặp câu 3,4 và 5,6 đều đối ngẫu. Hai chữ tương ứng trong cặp đối ngẫu bắt buộc phải đối

thanh và đối ý. Chúng tôi đặc biệt chú ý chữ *niếu* xuất hiện ở những cặp đối này. Khi đó ta có thể căn cứ vào tiếng đối với *niếu* ở cặp đối ngẫu mà có thể phiên là *nẻo* hay *nếu*. Trong câu của cặp đối ngẫu nếu một chữ được dùng như một hư từ thì từ đối ứng với nó cũng phải là hư từ (*nếu*), chứ không thể là thực từ (*nẻo*). Ví dụ, nếu đối chiếu với chữ ở cặp đối là hư từ thì ta phiên chữ *niếu* là *nếu*.

Nếu khỏi tiểu nhân quân tử nhọc

Dầu chẳng quân tử tiểu nhân loàn

(Câu 3, 4 bài 133)

Nếu đối chiếu với chữ ở cặp đối là thực từ thì ta phiên chữ *niếu* là *nẻo*.

Đồng về tiết muộn mai nhiều bạc

Thu *nẻo* tin truyền cú có vàng

(Câu 3, 4 bài 129)

Nhưng trong *Quốc âm thi tập* có những trường hợp dứt khoát phải phiên là *nẻo*, ví dụ *Nẻo từ nước có đao binh* (Câu 1 bài 107). Có trường hợp phải phiên là *nếu*, ví dụ: *Nếu được thơm tho thiếu tốt tươi* (Câu 2 bài 241).

Vì thế, 23 chữ *niếu* trong bản Nôm *Quốc âm thi tập* 12 trường hợp nên phiên là *nẻo*, trong đó:

- 02 trường hợp *nẻo* mang nghĩa chỉ không gian:

Nẻo xưa nay cũng một đường

(Câu 1 bài 93)

Đây xốc xốc *nẻo* tam cương

(Câu 2 bài 93)

- 10 trường hợp *nẻo* mang nghĩa chỉ thời gian:

Én từ *nẻo* lạc nhà Vương Tạ

(Câu 5 bài 34)

Kìa *nẻo* Tô Tần ngày trước

(Câu 7 bài 66)

Đêm đêm thức nhẩn *nẻo* sơ chung

(Câu 8 bài 68)

Chước toan chưa đẹp *nẻo* bình sinh

(Câu 1 bài 86)

Ắt đã trùng trùng *nẻo* thuở sinh

(Câu 2 bài 96)

Nẻo từ nước có đao binh

(Câu 1 bài 107)

Tính ắt trần trần *nẻo* sinh

(Câu 1 bài 113)

Cửa động chẳng hay lia *nẻo* ấy

(Câu 7 bài 118)

Thu *nẻo* tin truyền cú có vàng

(Câu 4 bài 129)

Nẻo đến tin đâu đều hết có

(Câu 7 bài 253)

Có 11 trường hợp phiên *nếu*:

Nếu có ăn thì có lo

(Câu 1 bài 20)

Nếu cốt chưa xong chằm chữa toan

(Câu 8 bài 63)

Ta *nếu* ở đâu vui thú đấy

(Câu 7 bài 103)

Nếu có công nhiều lọ phải tranh

(Câu 8 bài 131)

Nếu khỏi tiểu nhân quân tử nhọc

(Câu 3 bài 133)

Nếu có sâu thì bỏ canh

(Câu 6 bài 136)

Nếu có nghèo thì có an

(Câu 8 bài 144)

Chúa ràn *nếu* khỏi tan con ghé

(Câu 5 bài 150)

Nếu đưa khí huyết quên nhân nghĩa

(Câu 3 bài 191)

Nếu lại đơm thì liền luống hoa

(Câu 2 bài 231)

Nếu được thơm tho thiếu tốt tươi

(Câu 2 bài 241)

Trong văn Nôm có một thực tế là có những từ được sử dụng trong những sáng tác từ thế kỉ XIV, XV nhưng sau không được dùng nữa như: *đĩa* (bài 4); *bá* (bài 11,28); *bìu rịn* (bài 75); *con đòi* (bài 1); *đuôi* (bài 106); *thông* (bài 56); *vện nhơ* (bài 237)... (*Quốc âm thi tập* -Nguyễn Trãi). Tuy nhiên cũng có từ sau đó được dùng trở lại. Trường hợp của *nếu* phải chăng cũng có thể là như vậy.

(xem tiếp trang 34)

3. Kết luận

Đã mấy trăm năm qua đi, giờ lại Truyện Kiều, ta vẫn thấy còn có điều có thể nói – cái đó có tác dụng hơn hết thấy mọi ngôn từ ngợi ca dành cho tác phẩm và tác giả. Vì vậy, qua bài viết này, và cả những bước nghiên cứu tiếp theo nữa, người viết mong muốn sẽ bày tỏ lòng ngưỡng mộ và tri ân đối với nhà thơ Nguyễn Du bằng việc thử tiếp cận Truyện Kiều theo hướng Ngữ dụng học thông qua lăng kính chiếu vật và chỉ xuất bằng ngôn ngữ của tác phẩm này.

Tài liệu tham khảo

1. Đào Duy Anh, *Từ điển Truyện Kiều*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1974.
2. Nguyễn Ngọc Bích, *Tìm hiểu tín hiệu thẩm mỹ “hoa” trong Truyện Kiều của Nguyễn Du trên ba bình diện: Kết học, nghĩa học, dụng học*, Luận văn thạc sĩ, ĐH Sư phạm Hà Nội, 2008.
3. Đỗ Hữu Châu, *Đại cương ngôn ngữ học*, tập II - Ngữ dụng học, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2001
4. Đặng Thị Thu Hiền, *Từ các phương tiện chiếu vật và chỉ xuất biểu thị tình yêu trong Truyện Kiều đến quan niệm của Nguyễn Du về tình yêu*, Tạp chí Ngôn ngữ, số 4, 2010.
5. Đặng Thị Thu Hiền, *Bước đầu tiếp cận Truyện Kiều theo hướng Ngữ dụng học qua tìm hiểu các phương tiện ngôn ngữ chiếu vật biểu thị thân phận người phụ nữ trong Truyện Kiều*, Báo cáo khoa học, Hội thảo Ngữ học toàn quốc, 2010.
6. Lê Xuân Lít, *Tìm hiểu từ ngữ Truyện Kiều*, Nxb ĐH Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, 2000.
7. Nhiều tác giả, *Truyện Kiều những lời bình*, Nxb Văn hoá thông tin, Hà Nội, 2000.
8. Nguyễn Tú Quyên, *Các phương tiện ngôn ngữ đồng sở chỉ biểu thị nhân vật trong Truyện Kiều*, Luận văn thạc sĩ, ĐH Sư phạm Hà Nội, Hà Nội, 2005.

(Ban Biên tập nhận bài ngày 06-04-2010)

(Phải chăng thời.....tiếp theo trang 43)

Tài liệu tham khảo

I. Các bản phiên khảo

1. Đào Duy Anh, *Quốc âm thi tập*, phiên âm và chú thích trong *Nguyễn Trãi toàn tập* in lần I năm 1969, in lần II (1976).
2. Nguyễn Thạch Giang, *Quốc âm thi tập*, phiên khảo và chú giải, Nxb Thuận Hoá(2000).
3. Trần Văn Giáp – Phạm Trọng Điềm, *Quốc âm thi tập*, phiên âm và chú giải, Nxb Văn Sử Địa, HN 1956.
4. Vũ Văn Kính, *Quốc âm thi tập*, phiên khảo, Nxb Trẻ, 1995.
5. Mai Quốc Liên, Kiều Thu Hoạch, Vương Lộc, Nguyễn Khuê, *Nguyễn Trãi toàn tập, Tân biên*, Tập III, NXB Văn học, 2001.
6. Bùi Văn Nguyên, *Thơ Quốc âm Nguyễn Trãi*, biên khảo - chú giải, giới thiệu, Nxb Giáo dục, 1994.
7. Paul Schneider, *Quốc âm thi tập*, phiên âm, chú thích trong *Nguyễn Trãi et son recueil de poemes en langue nationale* ấn hành tại Pháp năm 1987.

II. Một số từ điển, tự điển.

8. Alexandre De Rhodes, *Từ điển Việt - Bồ - La* (1651).
9. Béhaine De Pigneau, *Từ điển Việt - La tinh* (1772-1773).
10. Nguyễn Quang Hồng chủ biên, *Tự điển chữ Nôm*, Nxb Giáo dục 2006
11. Trần Xuân Ngọc Lan phiên âm và chú giải, *Chỉ nam ngọc âm giải nghĩa*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội 1985.

12. Taberd, *Từ điển Việt - La tinh* (soạn năm 1838).

III. Một số tác phẩm thơ văn

13. Nguyễn Bình Khiêm, *Bạch vân Quốc ngữ thi*, trong *Trình Quốc Công Nguyễn Bình Khiêm thi tập*, bản chép tay, kho sách Viện Hán Nôm, kí hiệu: AB.635.
14. Nguyễn Lương Ngọc, Đinh Gia Khánh phiên dịch, *Thiên Nam ngữ lục*, NXB Văn hoá 1958.
15. Trần Nhân Tông, *Cư Trần lạc đạo phú*, trong *Sách Thiền Tông Bản Hạnh* đăng trong *La Sơn Yên Hồ Hoàng Xuân Hãn Tập 3*, Tr 1158 -1162, NXB Giáo Dục, 1998.
16. *Truyện Thạch Sanh*, trong Liễu Văn Đường tàng bản, khắc in năm 1919, kho sách viện Hán Nôm, kí hiệu: AB.451.
17. *Truyện Phan Trần*, bản chép tay, do Cao Hữu Lạn cung cấp.
16. Thơ Tú Xương, trong *Vị Thành giai cú tập biên*, bản chép tay, kho sách Viện Hán Nôm, Kí hiệu: AB.194.

(Ban Biên tập nhận bài ngày 05-03-2010)